

PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CÁC DI SẢN THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Ngọc Minh¹

Ngày nhận bài: 01 tháng 6 năm 2026

Ngày nhận bài sửa: 18 tháng 6 năm 2026; Ngày duyệt đăng: 19 tháng 6 năm 2026

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu vai trò của các Di sản thế giới tại Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Sự ghi danh của UNESCO không chỉ nâng tầm giá trị thương hiệu mà còn trở thành đòn bẩy mạnh mẽ đối với “kinh tế di sản” và du lịch, mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách địa phương. Số liệu thống kê tại Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế, Hội An và Quần thể danh thắng Tràng An cho thấy lượng du khách và doanh thu dịch vụ tăng trưởng vượt bậc sau khi những địa chỉ này được vinh danh. Bên cạnh lợi ích kinh tế vĩ mô, nguồn lực di sản góp phần cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương thông qua việc tạo ra hàng vạn việc làm trực tiếp lẫn gián tiếp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp, ngư nghiệp truyền thống sang các mô hình dịch vụ du lịch (như chèo đò, hợp tác xã vựa chài, homestay) giúp ổn định đời sống xã hội một cách công bằng, đặc biệt là đối với phụ nữ. Song song với đó, việc phát triển di sản thúc đẩy chính quyền đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông, cải tạo môi trường sống và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên văn hóa bền vững. Công tác giáo dục di sản học đường cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm của thế hệ trẻ. Dù trên thực tế còn một số thách thức về sức tải du lịch và nguy cơ ô nhiễm, bài viết khẳng định mô hình quản lý di sản dựa vào cộng đồng là chìa khóa kết hợp hài hòa giữa bảo tồn các giá trị cổ xưa với sự thích ứng linh hoạt trong bối cảnh hiện đại.

Từ khóa: Di sản thế giới; kinh tế di sản; sinh kế cộng đồng; bảo tồn bền vững; an sinh xã hội.

PROMOTING CULTURAL VALUES IN ASSOCIATION WITH ECONOMIC DEVELOPMENT AND SOCIAL SECURITY, ENSURING - A CASE STUDY OF WORLD HERITAGE SITES IN VIETNAM

Nguyen Van Kim - Nguyen Ngoc Minh

Received: June 01, 2026

Revised: June 18, 2026; Accepted: June 19, 2026

ABSTRACT

This research examines the role of World Heritage sites in Vietnam in driving economic growth and ensuring social security. UNESCO recognition not only enhances brand value but also serves as a powerful leverage for the “heritage economy” and tourism, generating substantial revenue for local budgets. Statistical data from Ha Long Bay, the Complex of Hue Monuments, Hoi An, and the Trang An Landscape Complex demonstrate exponential growth in tourist arrivals and service revenues post-inscription. Beyond macro-economic benefits,

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

heritage resources significantly improve community livelihoods and income by creating tens of thousands of direct and indirect jobs. The structural economic transition from traditional agriculture and fishing to tourism services (such as boat rowing, fishing village cooperatives, and homestays) stabilizes local life equitably, particularly for women. Concurrently, heritage development drives local authorities to invest in upgrading transportation infrastructure, rehabilitating living environments, and sustainably preserving cultural and natural landscapes. Heritage education in schools is also promoted to build capacity and responsibility among the youth. Despite challenges related to tourism carrying capacity and pollution risks, the article concludes that community-based heritage management is the key to harmoniously balancing the conservation of ancient values with flexible adaptation to modern contexts.

Keywords: *World heritage; heritage economy; community livelihood; sustainable conservation; social security.*

DẪN LUẬN

Những thập niên gần đây, văn hóa ngày càng có vai trò quan trọng đối với đời sống xã hội và chiến lược phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong các chương trình nghị sự quốc tế, cùng với ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên, khủng hoảng kinh tế và biến đổi xã hội, vấn đề văn hóa luôn được bàn thảo như một trong những trọng tâm của chiến lược phát triển bền vững của các quốc gia². Di sản văn hóa luôn được coi là nơi dung chứa những giá trị đặc thù, bao gồm giá trị hiện hữu và giá trị tiềm năng mà con người có thể nhận diện và phát huy trong tương lai. Hiện nay, nhiều quốc gia đang coi di sản văn hóa như một nguồn lực, một tài nguyên và là một tài sản quan trọng. Nếu được phát huy đúng hướng, văn hóa sẽ mang tới những lợi ích lâu bền, đa diện cho việc duy trì sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực và niềm tin cho sự phát triển của

đất nước (Nguyễn và cộng sự, 2023, tr.5-17). Điểm đáng lưu ý đầu tiên cần đề cập đến là tầm ảnh hưởng của danh hiệu “Di sản thế giới” (*World Heritage*). Sự công nhận, ghi danh của UNESCO đã tạo nên một *giá trị thương hiệu* đặc thù, góp phần bồi đắp giá trị di sản, nâng tầm di sản ở Việt Nam và trên thế giới. Hệ quả là, các Di sản thế giới đã trở thành hạt nhân quan trọng, tạo cơ hội và tiền đề cho các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là mang lại sức cạnh tranh cao cho hoạt động du lịch tại chỗ, từ đó đem lại những nguồn lợi to lớn.

Các di sản được xếp hạng thế giới ở Việt Nam có thể được phân lập thành ba nhóm: *Di sản thiên nhiên*: Vịnh Hạ Long - Cát Bà, Phong Nha - Kẻ Bàng; *Di sản văn hóa*: Cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Thành nhà Hồ, Hoàng thành Thăng Long, Quần thể di tích, danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc; *Di sản hỗn hợp*: Quần thể danh thắng Tràng An³,...

² Quyết nghị của Đại Hội đồng Liên hợp quốc năm 2013 đã khẳng định: Văn hóa là động lực và là sự điều hướng cho phát triển bền vững. Cũng trong năm 2013, Tuyên bố Hàng Châu 2013 của UNESCO tiếp tục khẳng định quan điểm này khi đặt văn hóa là trung tâm của các chính sách phát triển bền vững.

³ Tháng 3 năm 2025, giá trị thương hiệu của Quần thể danh thắng Tràng An (Tràng An WHS) được Tổ chức Santagata về Kinh tế văn hóa (Italia), Viện Leibniz về Sinh thái Đô thị và Phát triển vùng (Đức) phối hợp với Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (VNU-SIS) xác định đạt 213 tỷ USD. Đây là con số định giá kinh tế (TEV) dựa trên sự tiếp cận tổng thể, đánh giá toàn diện tác động kinh tế, bảo tồn di sản thiên nhiên, di sản văn hóa và các nhân tố xã hội của di sản. Đó là bước tiến mang tính đột phá trong nhận diện, nghiên cứu và xác định giá trị thương hiệu của di sản ở Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích giá trị đa dạng của các khu Di sản thế giới trong mối tương quan với sự phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống dân sinh của các địa phương có di sản.

1. NGUỒN LỰC DI SẢN – TIỀM NĂNG KINH TẾ

Việt Nam là một quốc gia có hệ thống di sản rất phong phú và đa dạng. Theo số liệu thống kê của Cục Di sản Văn hóa, đến tháng 9 năm 2023, Việt Nam có trên 10.000 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh và thành phố, 3.692 di tích được xếp hạng Di tích quốc gia, 148 di tích được công nhận Di tích quốc gia đặc biệt, trên 40.000 di tích được kiểm kê; khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê, trong đó đã có 722 di sản được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Phạm, 2023, tr.16-18). Việt Nam có 4 công viên địa chất toàn cầu, 10 di sản tư liệu; 7 danh nhân của Việt Nam được UNESCO vinh danh, 16 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đồng thời, Việt Nam có 9 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã được UNESCO công nhận theo Công ước về Di sản thế giới năm 1972, bao gồm: 2 Di sản thiên nhiên thế giới là Vịnh Hạ Long (ghi danh năm 1994 và 2000, bổ sung thêm Cát Bà, 2023) và Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003); 6 Di sản văn hóa thế giới là: Quần thể Di tích Cố đô Huế (ghi danh năm 1993); Đô thị cổ Hội An (1999); Thánh địa Mỹ Sơn (1999); Hoàng thành Thăng Long (2010); Thành nhà Hồ (2011); Quần thể di tích, danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc (2025) và 1 di sản hỗn hợp là Quần thể danh thắng Tràng An (2014),

Ở Việt Nam, các địa phương có Di sản thế giới đều nhận thức rõ giá trị thương hiệu của những di sản đã được UNESCO ghi danh/công nhận. Các tỉnh, thành phố đều chủ trương xây dựng chiến lược phát triển

du lịch tập trung vào hạt nhân là kinh tế di sản hay du lịch di sản. Điều này thể hiện rất rõ trong việc xây dựng các biểu trưng (*logo*) của ngành du lịch các tỉnh, thành có Di sản thế giới. Ngoại trừ Hà Nội, với đặc thù của một “Thủ đô ngàn năm văn hiến”, biểu trưng ngành du lịch Hà Nội là Khuê Văn các, các tỉnh thành có Di sản thế giới đều thiết kế logo chính thức của ngành du lịch dựa trên cảm hứng chủ yếu từ các Di sản thế giới: hình ảnh Hòn Trống Mái trên logo du lịch tỉnh Quảng Ninh; hình tượng thạch nhũ của các hang động Phong Nha - Kẻ Bàng trên biểu trưng du lịch tỉnh Quảng Bình cũ (nay là Quảng Trị); hình ảnh đền tháp thuộc Thánh địa Mỹ Sơn và Chùa Cầu (Cầu Nhật Bản) thuộc Đô thị cổ Hội An trong biểu trưng của tỉnh Quảng Nam cũ (nay là thành phố Đà Nẵng); hình ảnh mái lầu Ngũ Phụng của di tích Cửa Ngọ Môn đại diện cho quần thể di tích Cố đô Huế được lựa chọn là biểu tượng du lịch Huế; hình ảnh danh thắng Tràng An là biểu trưng du lịch tỉnh Ninh Bình; và dấu ấn Thành nhà Hồ là biểu tượng du lịch của tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy, từ đòn bẩy là sự ghi danh chính thức của UNESCO cho đến thực tiễn bảo tồn và phát huy giá trị di sản, các khu Di sản văn hóa thế giới đã cho thấy những ảnh hưởng to lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của các địa phương, thể hiện trên 4 phương diện: nguồn lợi kinh tế; cải thiện sinh kế; cải tạo môi trường, cảnh quan văn hóa; nâng cao trình độ văn hóa, năng lực của cộng đồng địa phương.

Các Di sản thế giới là tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững của địa phương thông qua hoạt động kinh tế di sản, du lịch di sản. Với Phong Nha - Kẻ Bàng, Chính phủ đã xác định: “Phát triển du lịch Quảng Bình thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi ích cộng đồng

và phát triển bền vững. Quảng Bình là một trong các điểm đến du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực châu Á gắn với những hình ảnh độc đáo, mang đậm bản sắc: du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hang động, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch thể thao, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp... Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được công nhận là Khu du lịch Quốc gia, giữ vững các tiêu chí được UNESCO hai lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Đến năm 2030, tỷ lệ đóng góp của du lịch đạt 10-12% GRDP của tỉnh⁴.

Danh hiệu “Di sản thế giới” có sức hút mạnh mẽ đối với du khách trong và ngoài nước. Các số liệu thống kê cho thấy, lượng khách du lịch đến với các Di sản thế giới Việt Nam tăng đột biến sau khi di sản được UNESCO ghi danh và về cơ bản có xu hướng tăng dần theo thời gian. Năm 2019, trước ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tổng số lượng khách du lịch tại các khu Di sản thế giới Việt Nam đạt 18,2 triệu khách (Nguyễn, 2022, tr.168). Với từng trường hợp, Di sản thế giới lại có những kết quả ấn tượng khác nhau. Chẳng hạn, quần thể di tích Cố đô Huế là Di sản thế giới đầu tiên được công nhận ở Việt Nam vào năm 1993. Trước đó, số lượng du khách đến với Huế rất khiêm tốn, chỉ khoảng 243.000 người/ năm (Linh An, 2023). Đến năm 2023, quần thể di tích - danh thắng Huế đón 3,2 triệu lượt khách (Nhật Anh, 2023), trong đó có khoảng 1,2 triệu lượt khách quốc tế. Trước năm 1999, mỗi năm Hội An đón gần 200.000 du khách; đến năm 2019, con số này đã lên hơn 5,3 triệu lượt khách (Khánh Linh, 2020). Thánh địa Mỹ Sơn năm 1999 chỉ đón hơn 27.000 lượt khách (Báo Quảng Nam, 2014), năm 2023 đã tăng lên 380.000 lượt. Riêng trường hợp Quần thể danh thắng Tràng An vào thời điểm lập hồ sơ đề cử lên UNESCO năm 2012 chỉ

có khoảng 1 triệu lượt khách/năm nhưng đến năm 2019 đã thu hút hơn 6,5 triệu lượt khách (Nguyễn, 2020).

Rõ ràng, những số liệu rất ấn tượng trên đây cho thấy sức hút mạnh mẽ từ danh hiệu Di sản thế giới và sự quan tâm của xã hội đối với di sản văn hóa. Lượng khách du lịch đến các khu Di sản thế giới tăng nhanh chóng, đưa đến những nguồn thu không nhỏ từ hoạt động bán vé tham quan và các loại hình dịch vụ thương mại khác. Theo số liệu thống kê: Năm 2016, tổng doanh thu từ hoạt động bán vé tham quan, các dịch vụ tại các Di sản thế giới ở Việt Nam đạt khoảng 1.776 tỷ đồng, năm 2017 đạt 2.535 tỷ đồng, năm 2018 đạt 2.181 tỷ đồng và năm 2019, con số này đạt 2.322 tỷ đồng (Nguyễn, 2022, tr.169). Hoạt động du lịch di sản rõ ràng đã đóng góp đáng kể vào GDP của các địa phương sở hữu di sản, từ đó bổ sung nguồn kinh phí cho các hoạt động cải thiện cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, an ninh... nói chung của địa phương.

2. CẢI THIẾN SINH KẾ, NÂNG CAO THU NHẬP

Các khu Di sản thế giới đã tạo ra hàng nghìn, thậm chí hàng vạn cơ hội việc làm khác nhau cho người lao động, trong đó, đáp ứng chủ yếu nhu cầu của nguồn nhân lực địa phương. Cơ hội việc làm và các hoạt động dịch vụ kèm theo đã góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân bản địa ở vùng lân cận các di sản. Trước tiên, chính những công việc trực tiếp liên quan đến công tác quản lý và bảo tồn di sản như nhà quản lý, chuyên viên, cán bộ nhân viên, bảo vệ... thuộc Ban quản lý Di sản thế giới các cấp; hoặc hoạt động trùng tu, tôn tạo, phục dựng di sản; thiết kế xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình phát huy giá trị di sản... đều có khả năng đem lại cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Tiếp đó là lượng

⁴ Quyết định số 377/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà phê duyệt ngày 12/4/2023. (Phạm, 2023, tr.22).

việc làm phong phú, đa dạng đến từ các hoạt động du lịch di sản và dịch vụ thương mại, nhờ đó, cộng đồng có thể tham gia một cách tích cực và chủ động nhất. Tại các địa phương có Di sản thế giới đã và đang hình thành các tuyến du lịch liên kết vùng lõi, vùng đệm và vùng phụ cận của di sản với nhiều hình thức du lịch đa dạng, bền vững như: du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm,... góp phần giải quyết công ăn việc làm và cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương.

Ở nhiều khu Di sản thế giới, người dân địa phương được đào tạo trở thành hướng dẫn viên du lịch, tham gia chuyên chở, hướng dẫn du khách đi tham quan di sản, hoặc kinh doanh nhà hàng ăn uống, kinh doanh dịch vụ lưu trú... Thực tiễn cho thấy, hiệu ứng từ danh hiệu Di sản thế giới thúc đẩy quá trình chuyển dịch kinh tế một cách mạnh mẽ trong cộng đồng cư dân địa phương. Một mặt, các nghề nghiệp truyền thống vẫn được tôn trọng và duy trì một cách hợp lý trong mối quan hệ chặt chẽ với công tác bảo tồn di sản. Mặt khác, cộng đồng chuyển dịch từng bước sang nhiều loại hình sinh kế đa dạng để thích nghi với bối cảnh mới và thu được lợi ích không nhỏ từ những ngành nghề mới. Ở Hạ Long, ngư dân trong các làng chài đã thành lập các Hợp tác xã như: Hợp tác xã Dịch vụ vận tải du lịch Vạn chài Hạ Long ở Vung Viêng, Hợp tác xã Con đò cổ tích ở khu vực Ba Hang..., cung cấp các dịch vụ du lịch như chèo đò, chèo thuyền nan, chèo thuyền kayak đưa khách đi tham quan làng chài, tham quan mô hình nuôi cá lồng, bè hoặc trải nghiệm đời sống ngư dân. Việc chuyển đổi sang sinh kế du lịch này mang lại nguồn thu nhập hằng tháng tương đối cao cho các thành viên hợp tác xã (Xuân Hòa, 2020). Ở Hội An, nhóm ngành Dịch vụ - Du lịch - Thương mại năm 2017 chiếm 70% tỉ trọng cơ cấu kinh tế, thu nhập bình quân đầu người của Hội An, đạt 40,9 triệu đồng/người/năm (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2018).

Đặc biệt, sự biến đổi sinh kế của cộng đồng cư dân khu vực Tràng An kể từ năm 2012 là một minh chứng cho sự tác động của các khu Di sản thế giới đối với đời sống người dân vùng di sản. Chiến lược quản lý di sản Quần thể danh thắng Tràng An đã xác định: di sản được tôn trọng và bảo vệ; người dân của khu vực di sản và những người dân địa phương khác được tuyên dụng và trực tiếp tham gia vào việc quản lý, khai thác và phát huy giá trị di sản, được chia sẻ lợi ích một cách công bằng (Bùi, 2022, tr.47). Ở đây, cộng đồng cư dân địa phương vẫn đang sống trong các vùng bảo vệ di sản. Theo số liệu thống kê, có hơn 20 nghìn dân sống trong vùng lõi di sản và vùng đệm di sản cũng có khoảng 27 nghìn dân (Bùi, 2022, tr.75). Họ là chủ thể gắn liền với di sản, làm nên nét đặc trưng trong đời sống kinh tế - văn hóa của cộng đồng, là một phần quan trọng trong giá trị của di sản. Chính do đặc thù này, mọi hoạt động quản lý và khai thác di sản không thể tách rời khỏi việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của cư dân địa phương.

Thực tiễn hoạt động quản lý di sản Tràng An cũng cho thấy sự thành công trong việc kết hợp giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản bền vững. Trước hết, các loại hình sinh kế truyền thống như sản xuất nông nghiệp (trồng lúa nước, chăn nuôi và đánh bắt thủy sản) hoặc các nghề thủ công truyền thống của cư dân Tràng An vẫn được tôn trọng và duy trì một cách hợp lý trong mối tương quan với di sản. Nhiều giá trị trong hoạt động sinh kế truyền thống được vận dụng linh hoạt theo hướng phục vụ du lịch di sản, chẳng hạn: nghề truyền thống ở đây là trồng lúa nước với những cánh đồng lúa chín vàng rực bên các dòng sông, trở thành một nét đẹp đặc trưng riêng của cảnh quan văn hóa thơ mộng, huyền ảo của Tràng An.

Thời gian qua, ở Tràng An, một số nghề thủ công truyền thống như thêu ren, chạm khắc đá,... đã chuyển hướng một phần sang

sản xuất hàng lưu niệm phục vụ du khách. Nhìn vào các hoạt động sinh kế truyền thống của cư dân vùng di sản, có thể thấy sự chuyển dịch đáng kể theo hướng du lịch hóa. Bên cạnh đó, những hoạt động sinh kế mới chủ yếu gắn với du lịch di sản được đẩy mạnh như: dịch vụ biểu diễn văn hóa nghệ thuật truyền thống, làm hướng dẫn viên du lịch, kinh doanh nhà hàng, khách sạn, chèo thuyền đưa du khách tham quan các điểm di sản Tràng An... Du lịch di sản đã mang lại khối lượng việc làm phong phú và đa dạng cho hàng nghìn người dân địa phương. Hiện nay, tại đây, có hơn 4.500 người dân địa phương (chủ yếu là phụ nữ) làm nghề chèo đò phục vụ du khách với thu nhập bình quân khoảng 3,5 - 5 triệu đồng/tháng, vào mùa du lịch cao điểm có thể lên tới 10 triệu đồng/tháng (Bùi, 2022, tr.116). Kinh doanh lưu trú và nhà hàng ăn uống cũng theo đó mà phát triển. Cách đây khoảng hai thập niên, khu di sản chỉ có khoảng 12 cơ sở lưu trú và nhà hàng, đến nay đã tăng lên thành 236 cơ sở, phát triển các hoạt động nghề nghiệp mới như lễ tân, bảo vệ, phục vụ bàn, pha chế đồ uống với khoảng 1.500 lao động (Bùi, 2022, tr.117-118). Ngoài ra, các cơ sở kinh doanh bán hàng lưu niệm, cho thuê phương tiện di chuyển cũng nở rộ, các nhóm nghệ nhân, nghệ sĩ chuyên đi biểu diễn phục vụ khách du lịch tại các nhà hàng, cơ sở lưu trú cũng ổn định thu nhập từ 700.000 đồng đến 3,5 triệu đồng/buổi diễn.

Đáng chú ý là được hưởng lợi từ khu di sản không chỉ có cư dân vùng lõi di sản bởi các tuyến, điểm du lịch đã liên kết khu trung tâm di sản với vùng đệm, vùng cảnh quan và các vùng liên quan, góp phần phát triển hoạt động du lịch, dịch vụ của toàn tỉnh Ninh Bình. Nhờ những tín hiệu tích cực đó, tại lễ kỷ niệm 50 năm Công ước 1972, tổ chức ngày 06/09/2022 tại Ninh Bình, Tổng giám đốc UNESCO - Audrey Azoulay đánh giá cao công tác quản lý và phát huy giá trị Di sản thế giới Tràng An vì đã kết hợp thành

công giữa phát triển kinh tế và du lịch bền vững. Tràng An cũng được UNESCO coi là hình mẫu của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và tạo ra sinh kế cho người dân (đặc biệt là phụ nữ). Trường hợp di sản Tràng An đã được lựa chọn trở thành trung tâm thí điểm dự án về du lịch bền vững, không ngừng gia tăng lợi ích cho cộng đồng địa phương.

3. BÀI TOÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP CƠ SỞ HẠ TẦNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CẢNH QUAN VĂN HÓA

Các khu Di sản thế giới ở Việt Nam có đóng góp tích cực vào công tác bảo vệ môi trường tự nhiên cũng như môi trường sống, cảnh quan văn hóa của con người. Điều này thể hiện qua việc phân vùng bảo vệ rộng lớn nhằm gìn giữ, bảo tồn môi trường và hệ sinh thái đa dạng như ở Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể danh thắng Tràng An... Ở Tràng An, trước năm 2012, một bộ phận của khối núi đá vôi đã được quy hoạch khai thác để phục vụ công nghiệp sản xuất xi măng và chế tác đá thủ công. Sau đó, khu vực này đã được đưa ra khỏi quy hoạch khi Tràng An trở thành Di sản thế giới. Hiện tại, Tràng An có 5 vùng bảo vệ di sản trên một diện tích rộng lớn nhằm giữ nguyên vẻ đẹp non nước Tràng An. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cũng chú trọng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các khu di sản trọng điểm như Cổ đô Hoa Lư, Tam Cốc - Bích Động...

Ở Hội An, chính quyền thành phố chủ trương xây dựng nơi đây trở thành một “Đô thị sinh thái”, trong đó các di tích được đặt trong mối quan hệ tổng thể, hài hòa với cảnh quan, môi trường. Các không gian xanh được thiết lập thân thiện với những tuyến phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ, góp phần giảm đáng kể mức độ ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm khói bụi. Tại Mỹ Sơn, Ban quản lý triển khai Quy chế phối hợp giữa các địa

phương trong công tác bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học và tài nguyên rừng tại khu di sản (Nguyễn, 2022, tr.160-161). Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế thành lập Phòng Cảnh quan môi trường với hơn 70 cán bộ, kỹ sư, nghệ nhân, đảm nhiệm công tác vệ sinh, trồng cây xanh, nghiên cứu tôn tạo môi trường cảnh quan; Huế cũng quan tâm đến cải tạo cảnh quan ven bờ sông Hương, nạo vét dòng Ngự Hà, tu bổ kè hào hộ thành nhằm quy hoạch lại dân sinh và chỉnh trang đô thị (Trịnh, 2017, tr.75).

Với ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện, các Di sản thế giới đều được chính quyền các địa phương xác định là hạt nhân quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở phát triển ngành du lịch di sản. Do vậy, chính quyền rất quan tâm đầu tư xây dựng cơ bản, cải thiện cơ sở hạ tầng ở khu di sản và các khu vực lân cận khác như: mở đường giao thông kết nối các điểm di sản với nhau; xây dựng hệ thống thoát nước, các công trình xử lý chất thải; xây lắp hệ thống điện, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt; lắp đặt trạm viễn thông... và nhiều hạng mục công trình phụ trợ khác. Lợi ích từ những chính sách bảo tồn môi trường, cảnh quan văn hóa cho di sản hay cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch di sản nói trên, hơn ai hết, chính cộng đồng cư dân địa phương là đối tượng thụ hưởng đầu tiên và nhiều nhất.

Di sản thế giới có những đóng góp tích cực cho việc nâng cao chất lượng đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương. Một mặt, sự phối hợp giữa các cấp quản lý nhà nước về văn hóa và du lịch góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội ở các địa phương, giảm thiểu tệ nạn xã hội, mặt khác, giáo dục di sản hỗ trợ cho công tác nâng cao trình độ văn hóa cho cộng đồng địa phương. Là một nhiệm vụ bắt buộc trong công tác quản lý di sản, giáo dục nhận thức về di sản cho cộng đồng được đẩy mạnh. Hằng năm, ban quản

lý các khu Di sản thế giới thường xuyên tổ chức các Chương trình giáo dục di sản, tập huấn nâng cao nhận thức về di sản cho cộng đồng địa phương, trong đó đặc biệt hướng đến thế hệ trẻ, hưởng ứng khẩu hiệu “Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ” của UNESCO, hướng đến sự bảo vệ bền vững các Di sản thế giới.

Ở Hội An, chính quyền đã xây dựng bộ *Giáo trình về di sản* cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 6; trong các trường THCS, thường tổ chức các hoạt động như: Hội thi “Chúng em với di sản và môi trường”, Hội thi “Thanh niên Hội An với Di sản văn hóa Hội An”. Năm 2023, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế triển khai *Chương trình giáo dục di sản học* đường cho 85 trường học với hơn 25.000 học sinh (Thành Đạt, 2024). Ở khu di sản Hoàng thành Thăng Long, năm 2019 có 120.000 lượt học sinh tham quan, học tập (Nguyễn, 2023, tr.131) ... Những nỗ lực trên đã góp phần xây dựng nên những cộng đồng gắn bó, sống cùng với di sản một cách có hiểu biết, có trách nhiệm.

Đặc biệt, sự chuyển đổi sinh kế theo hướng du lịch di sản cũng đòi hỏi người dân địa phương phải được tập huấn hoặc tự trang bị những kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp mới. Chẳng hạn, những người làm nghề chèo đò ở di sản Tràng An phải tham gia lớp tập huấn về văn hóa du lịch, về an toàn đường thủy và quy tắc ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, họ cũng phải học những kiến thức về văn hóa, lịch sử của địa phương, kiến thức về di sản để giới thiệu cho du khách. Một số người học thêm ngoại ngữ để giao tiếp và kể những câu chuyện về di sản cho du khách (Bùi, 2022, tr.126). Những người làm nghề hướng dẫn viên và dịch vụ du lịch, kinh doanh dịch vụ lưu trú hay nhà hàng sẽ được trang bị về kiến thức văn hóa dân tộc, các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiệp vụ du lịch. Bên cạnh đó, đời sống văn hóa nói chung của cộng đồng

địa phương cũng được nâng cao thông qua việc tiếp cận, thụ hưởng các giá trị văn hóa từ sản phẩm du lịch, từ cơ hội giao lưu, hợp tác với du khách trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN

Các khu Di sản thế giới ở Việt Nam đã nhận thức đúng và thực hiện tốt nguyên tắc quản lý, phát huy giá trị di sản với chủ trương dựa vào cộng đồng, phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo tồn, trao truyền, thực hành, lan tỏa và sáng tạo văn hóa, một xu hướng đang trở thành chủ đạo. Từ đó, các chính sách quản lý có thể được triển khai với sự tham góp tích cực của cộng đồng cư dân địa phương vào việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Tuy nhiên, Di sản thế giới là tài sản chung của nhân loại, cần được tôn vinh, bảo vệ vì lợi ích chung của nhân loại (Phạm, 2025, tr.10-34). Di sản thế giới ở Việt Nam được quản lý và bảo vệ một cách hiệu quả trong khi cộng đồng địa phương cũng được thụ hưởng những lợi ích không nhỏ từ việc khai thác giá trị di sản. Điều đó cho thấy rằng: “Giờ đây, bảo tồn di sản văn hóa không còn bó hẹp ở việc giữ lại cái cổ xưa mà trở thành một quá trình sáng tạo, kết hợp giữa bảo tồn, phát huy giá trị và thích ứng với biến động của xã hội hiện đại” (Nguyễn, 2025, tr.23). Những phân tích trong bài viết là minh chứng rõ nét cho mối quan hệ gắn bó, hài hòa giữa các cấp quản

lý - người dân/cộng đồng địa phương và giá trị hiện hữu, nhiều mặt của di sản.

Tuy nhiên, ở một số khu di sản vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong việc thực thi chính sách khai thác du lịch dựa trên tài nguyên di sản: thiếu tầm nhìn và tư duy phát triển xanh, bền vững. Hiện tượng ô nhiễm môi trường, kể cả “môi trường văn hóa” ở một số khu di sản đã và đang diễn ra. Trong một số trường hợp, các nhà quản lý, chuyên gia về di sản,... cũng chưa thực sự chú ý đến khả năng chống chịu, sức tải của từng bộ phận hợp thành của di sản cũng như tổng thể khu di sản. Những tác động tiêu cực đó đưa đến nhiều hệ quả không mong muốn với các cấp quản lý và ngay cả với cộng đồng. Tình trạng suy giảm chất lượng môi trường sống của người dân địa phương, giao thông ùn tắc, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí, rác thải lan tràn... đã và đang diễn ra do lượng du khách quá lớn, vượt quá khả năng chịu tải của di sản.

Tuy nhiên, những lợi ích đến từ các khu Di sản thế giới trong thực tiễn như cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người dân, nâng cao trình độ văn hóa... vẫn là những tín hiệu tích cực, là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách, chiến lược quản lý di sản hiệu quả hơn trong tương lai./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi, V. M. (2022). *Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. (2018). Bảo tồn di sản gắn với phát triển bền vững. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/27126>; truy cập ngày 05/07/2024.
- Đỗ T. T. T. (2024). *Bảo vệ và phát huy Tài nguyên di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

- Khánh, L. (2020, 15 tháng 9). Áp lực di sản trong phát triển Hội An. *Tạp chí Quảng Nam*. <https://baoquangnam.vn/ap-luc-di-san-trong-phat-trien-cua-hoi-an-3072863.html>, truy cập ngày 05/07/2024.
- Linh, A. (2023, 20 tháng 10). Huế sẽ mãi mãi được giữ gìn. *Báo Người Lao động*. <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/hue-se-mai-mai-duoc-giu-gin-89506.htm>; truy cập ngày 05/07/2024.
- Nguyễn, Q. H. (2025). Luận bàn về một số quan điểm bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh nước ta hiện nay. *Thế giới Di sản*, 8(227), tr.16–19.
- Nguyễn, T. (2024, 4 tháng 7). Đánh thức giá trị kinh tế di sản Tràng An. *Báo Ninh Bình*. <https://baoninhbinh.org.vn/danh-thuc-gia-tri-kinh-te-di-san-trang-an/d20240704080632259.html>, truy cập ngày 05/07/2024.
- Nguyễn, T. T. M. & Nguyễn, A. Q. (2020). Phát triển du lịch bền vững tại điểm đến du lịch Di sản thế giới – quần thể danh thắng Tràng An. *Tạp chí Khoa học*. Hà Nội: Trường Đại học Mở Hà Nội, 72, tr. 85–94.
- Nguyễn, V. K. & Nguyễn, N. M. (2023). Kinh nghiệm của Nhật Bản và một số quốc gia Đông Á trong việc xây dựng môi trường văn hóa tại các khu di sản. Hà Nội: *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, 2(44), tr.5–17.
- Nguyễn, V. C. (2022). *Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam theo công ước Di sản thế giới*. Hà Nội: Nxb Thế Giới, tr. 168.
- Nhật, A. (2023, 31 tháng 12). Du lịch Thừa Thiên Huế phục hồi tốt, khách quốc tế tăng mạnh. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/du-lich-thua-thien-hue-phuc-hoi-tot-khach-quoc-te-tang-gan-45-lan-102231231081714631.html>; truy cập ngày 05/07/2024
- Phạm, H. T. (2023). Bảo tồn và phát huy giá trị Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng: Những giải pháp trọng tâm. *Tạp chí Thế giới Di sản*, 7(226), tr. 22–24.
- Phạm, Q. Q. (2023). Di sản văn hóa Việt Nam: Thành tựu và suy ngẫm. *Tạp chí Thế giới Di sản*, 8(203), tr.16–18.
- Phạm, Q.P. (2025). Di sản học trong bối cảnh toàn cầu: Hướng tiếp cận, phương pháp và triển vọng ở Việt Nam. Hà Nội: *Tạp chí Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật*, 1(1), tr.6–15.
- Phan, H. X. & Võ, V. T. (2018). Di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam với phát triển du lịch. Tp. Hồ Chí Minh: *Tạp chí Khoa học (Đại học Văn Lang)*, 9, tr. 65–78.
- Thành, Đ. (2024, 12 tháng 4). Học sinh Huế hứng thú với môn học trải nghiệm di sản. *Báo Lao động Điện tử*. <https://laodong.vn/giao-duc/hoc-sinh-hue-hung-thu-voi-mon-hoc-trai-nghiem-di-san-1326445.ldo>; truy cập ngày 05/07/2024.
- Trịnh, N. C. (2017). *Quản lý Di sản thế giới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Xuân, Hòa. (2024, 15 tháng 5). Du lịch cộng đồng trên Vịnh Hạ Long: Tạo sinh kế cho người dân chài. *Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh*. <https://dichvucong.quangninh.gov.vn/Default.aspx?tabid=121&ctl=ndetail&mid=511&nid=94623>; truy cập ngày 05/07/2024.